

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN KẾT NỐI API THÔNG QUA NGSP

Kiểu	Nội dung
Url base	https://api.[DonVi].gov.vn
Authentication (Bear token)	Quản trị hệ thống cấp

1. Danh mục chung

1.1. API danh mục – Mã định danh hệ thống QLVBDH cấp 1

1.1.1. Lấy cấu trúc danh mục

URL kết nối tới dịch vụ lấy cấu trúc danh mục qlvanbandieuhanhcap1	
Url	https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/qlvanbandieuhanhcap1
Request header	
Authorization	“Bearer access_token” Ví dụ: “Bearer 49d61ed6-a9e8-3755-81cd-8395ee511c87”
Accept	application/json
Method	GET

- Response body:

<pre>[{ "PropertyCode": "MaDinhDanhCap1", "PropertyName": "Mã định danh cấp 1", "PropertyType": "String" }, { "PropertyCode": "TenDonVi", "PropertyName": "Tên đơn vị", "PropertyType": "String" }, { "PropertyCode": "DiaChi", "PropertyName": "Địa chỉ", "PropertyType": "String" }, { "PropertyCode": "Email", "PropertyName": "Email", "PropertyType": "String" }, { "PropertyCode": "SoDienThoai", "PropertyName": "Số điện thoại", "PropertyType": "String" }]</pre>
--

```

    },
    {
      "PropertyCode": "Fax",
      "PropertyName": "Fax",
      "PropertyType": "String"
    },
    {
      "PropertyCode": "Website",
      "PropertyName": "Website",
      "PropertyType": "String"
    },
    {
      "PropertyCode": "QdBanHanhQdSuaDoi",
      "PropertyName": "QĐ ban hành/ QĐ sửa đổi",
      "PropertyType": "String"
    },
    {
      "PropertyCode": "NgayBanHanhQd",
      "PropertyName": "Ngày ban hành QĐ",
      "PropertyType": "DateTime"
    },
    {
      "PropertyCode": "CoQuanBanHanhQd",
      "PropertyName": "Cơ Quan ban hành QĐ",
      "PropertyType": "String"
    }
  ]

```

1.1.2. Lấy dữ liệu

URL kết nối tới dịch vụ lấy dữ liệu qlvanbandieuhanhcap1	
Url	https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/qlvanbandieuhanhcap1
Request header	
Authorization	“Bearer access_token” Ví dụ: “Bearer 49d61ed6-a9e8-3755-81cd-8395ee511c87”
Accept	application/json
Method	GET

- Response body:

```

[
  {
    "MaDinhDanhCap1": "000.00.00.H30",
    "TenDonVi": "UBND tỉnh Hậu Giang",
    "DiaChi": null,
    "Email": null,
    "SoDienThoai": null,
    "Fax": null,
    "Website": null,
    "QdBanHanhQdSuaDoi": "1220/QĐ-UBND",
    "NgayBanHanhQd": "16/08/2018",
    "CoQuanBanHanhQd": "UBND tỉnh Hậu Giang"
  }
]

```

```
}
]
```

1.1.3. Bổ sung dữ liệu danh mục

URL kết nối tới dịch vụ lấy dữ liệu qlvanbandieuhanhcap1	
Url	https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/qlvanbandieuhanhcap1
Request header	
Authorization	“Bearer access_token” Ví dụ: “Bearer 49d61ed6-a9e8-3755-81cd-8395ee511c87”
Accept	application/json
Method	POST
Request body	
body	<pre>[{ "MaDinhDanhCap1": "000.00.00.H30", "TenDonVi": "UBND tỉnh Hậu Giang", "DiaChi": null, "Email": null, "SoDienThoai": null, "Fax": null, "Website": null, "QdBanHanhQdSuaDoi": "1220/QĐ-UBND", "NgayBanHanhQd": "16/08/2018", "CoQuanBanHanhQd": "UBND tỉnh Hậu Giang" }]</pre>

- Response body

TH1: Lỗi
<pre>{ "MSG": "Data not insert: Record 1: MaDinhDanhCap1 "000.00.00.H30 is duplicate", "Count": 0 }</pre>
TH2: Thành công
<pre>{ "MSG": "Done", "Count": 1 }</pre>

1.2. API các danh mục khác

- Khai thác các dịch vụ danh mục khác cũng tương tự như dịch vụ danh mục - mã định danh kết nối các hệ thống QLVBDH cấp 1 với đường dẫn được mô tả theo danh sách sau:

Tên	Endpoint
Danh mục và mã định danh kết nối các hệ thống QLVBDH cấp 1	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/qlvanbandieuhanhcap1 Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/qlvanbandieuhanhcap1 Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/qlvanbandieuhanhcap1
Danh mục và mã định danh kết nối các hệ thống QLVBDH cấp 2	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/qlvanbandieuhanhcap2 Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/qlvanbandieuhanhcap2 Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/qlvanbandieuhanhcap2
Danh mục và mã định danh kết nối các hệ thống QLVBDH cấp 3	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/qlvanbandieuhanhcap3 Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/qlvanbandieuhanhcap3 Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/qlvanbandieuhanhcap3
Danh mục và mã định danh kết nối các hệ thống QLVBDH cấp 4	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/qlvanbandieuhanhcap4 Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/qlvanbandieuhanhcap4 Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/qlvanbandieuhanhcap4
Danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam cấp 1 (Tỉnh)	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/donvihanhhinhcap1 Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/donvihanhhinhcap1 Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/donvihanhhinhcap1
Danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam cấp 2 (Quận, Huyện)	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/donvihanhhinhcap2 Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/donvihanhhinhcap2 Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/donvihanhhinhcap2
Danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam cấp 3 (Phường, Xã)	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/donvihanhhinhcap3 Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/donvihanhhinhcap3 Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/donvihanhhinhcap3
Danh mục Mã bưu chính vùng, khu vực	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/mabuuchinhvungkhu Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/mabuuchinhvungkhu Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/mabuuchinhvungkhu

Danh mục Mã bưu chính cấp 1 (Tỉnh)	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/mabuuchinhcap1 Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/mabuuchinhcap1 Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/mabuuchinhcap1
Danh mục Mã bưu chính cấp 2 (Quận, Huyện)	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/mabuuchinhcap2 Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/mabuuchinhcap2 Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/mabuuchinhcap2
Danh mục Mã bưu chính cấp 3 (Phường, Xã)	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/mabuuchinhcap3 Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/mabuuchinhcap3 Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/mabuuchinhcap3
Danh mục và mã các dân tộc	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/madantoc Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/madantoc Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/madantoc
Danh mục và mã các dân tộc và tên gọi khác	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/madantockhac Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/madantockhac Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/madantockhac
Danh mục và mã các tôn giáo	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/matongiao Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/matongiao Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/matongiao
Danh mục và mã giới tính	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/magioitinh Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/magioitinh Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/magioitinh
Danh mục và mã nhóm máu	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/manhommau Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/manhommau Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/manhommau
Danh mục và mã ý nghĩa nhóm máu	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/maynghianhommau Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/maynghianhommau Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/maynghianhommau

Danh mục và mã Quốc gia, quốc tịch	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/maquocgia Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/maquocgia Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/maquocgia
Danh mục và mã Tình trạng hôn nhân	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/matinhtranghonnhan Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/matinhtranghonnhan Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/matinhtranghonnhan
Danh mục giáo dục, đào tạo Việt Nam Cấp 1	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/giaoducdaotaovncap1 Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/giaoducdaotaovncap1 Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/giaoducdaotaovncap1
Danh mục giáo dục, đào tạo Việt Nam Cấp 2	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/giaoducdaotaovncap2 Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/giaoducdaotaovncap2 Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/giaoducdaotaovncap2
Danh mục giáo dục, đào tạo Việt Nam Cấp 3	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/giaoducdaotaovncap3 Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/giaoducdaotaovncap3 Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/giaoducdaotaovncap3
Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/giaoducdaotaovncap4 Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/giaoducdaotaovncap4 Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/giaoducdaotaovncap4
Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/giaoducdaotaovncap5 Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/giaoducdaotaovncap5 Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/giaoducdaotaovncap5
Danh mục và mã chức danh trong các cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/machucdanhcqdcsvn Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/machucdanhcqdcsvn Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/machucdanhcqdcsvn
Danh mục bậc lương	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/mabacluong Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/mabacluong Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/mabacluong

Danh mục bảng lương	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/mabangluong Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/mabangluong Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/mabangluong
Danh mục loại công chức, viên chức, nhân viên, lãnh đạo	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/machucdanh Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/machucdanh Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/machucdanh
Danh mục nhóm lương	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/manhomluong Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/manhomluong Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/manhomluong
Danh mục và mã các hệ số lương	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/mahesoluong Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/mahesoluong Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/mahesoluong
Danh mục và mã mức lương tối thiểu vùng	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/mahesoluongvung Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/mahesoluongvung Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/mahesoluongvung
Danh mục mã thi đua khen thưởng	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/mathiduakhenthuong Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/mathiduakhenthuong Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/mathiduakhenthuong
Danh mục Mã loại văn bản theo quy định pháp luật	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/maloaivanbantheoqdp1 Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/maloaivanbantheoqdp1 Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/maloaivanbantheoqdp1
Danh mục Mã tên các loại văn bản quy phạm pháp luật	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/matenvanbantheoqdp1 Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/matenvanbantheoqdp1 Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/matenvanbantheoqdp1
Danh mục Mã tên các loại văn bản hành chính	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/matenvanbanhanhchinh Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/matenvanbanhanhchinh Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/matenvanbanhanhchinh

Danh mục Mã quy định độ khẩn văn bản	Metadata https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Metadata/dokhanvanban Get List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/dokhanvanban Post List https://api.don-vi.gov.vn/dmdc/Category/dokhanvanban
---	--

2. Dịch vụ hộ tịch

2.1. Dịch vụ đăng ký hộ tịch – dangKyHoTich

URL kết nối tới dịch vụ dangKyHoTich	
Url	https://api.don-vi.gov.vn/apiHoTichTuPhap/dangKyHoTich
Request header	
Authorization	“Bearer access_token” Ví dụ: “Bearer 49d61ed6-a9e8-3755-81cd-8395ee511c87”
Content-Type	application/json
Method	POST
Request body	
body	<pre>{ "maDonVi": "", "module": "", "maHoSo": "", "ngayTiepNhan": "", "data": "" }</pre>

STT	Tham số	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	maDonVi	Long	Mã đơn vị tiếp nhận hồ sơ: - Là mã đơn vị hành chính của nơi đăng ký được ghi theo mã do Bộ tư pháp cung cấp trong dịch vụ danh mục; - Tên chính xác sẽ do Hệ thống tự động tính toán dựa theo thời điểm đăng ký.

2	module	String	Mã nghiệp vụ1
3	maHoSo	String	Số phiếu tiếp nhận của hồ sơ trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử.
4	ngayTiepNhan	Date	Ngày tiếp nhận hồ sơ.
5	data	String	Thông điệp dữ liệu dưới dạng XML (xem mô tả tại Mục 3.2.1).

- Response body

Trạng thái	Mô tả trạng thái	Giá trị
1	Gửi thông tin thành công	Khuyết
0	Đã có lỗi xảy ra trong quá trình gửi thông tin	Khuyết, hiển thị trường mã lỗi và mô tả lỗi
<i>Biệt lệ (Exception):</i> Trả về khi kết quả trạng thái trả về nhận được là 0		
Mã lỗi	Mô tả lỗi	
100	AUTHEN_ERROR - Mã xác thực không chính xác	
101	IP_DISALLOWED - Địa chỉ IP không được phép truy cập	
106	AGENCY_ID_INCORRECT - Mã đơn vị không chính xác.	
500	DATA_INCORRECT – Hệ thống thông tin chủ động đưa ra lỗi chi tiết.	

2.2. Dịch vụ danh mục – danhMuc

URL kết nối tới dịch vụ danhMuc	
Url	https://api.don-vi.gov.vn/apiHoTichTuPhap/danhMuc
Request header	
Authorization	“Bearer access_token” Ví dụ: “Bearer 49d61ed6-a9e8-3755-81cd-8395ee511c87”
Content-Type	application/json
Method	POST
Request body	
body	{ "loaiDanhMuc": "" }

- Giải thích các tham số: Loại danh mục nhận 1 trong 5 giá trị như sau:
 - 1 - Danh mục quốc tịch;
 - 2 - Danh mục quốc gia;
 - 3 - Danh mục dân tộc;
 - 4 - Danh mục địa danh hành chính (cấp tỉnh);
 - 5 - Danh mục giấy tờ tùy thân.

Trạng thái	Mô tả trạng thái	Giá trị
1	Giao dịch thành công	Chuỗi JSON mô tả dữ liệu danh mục. Cấu trúc JSON phụ thuộc từng loại danh mục.
0	Đã có lỗi xảy ra trong quá trình gửi thông tin	Khuyết, hiển thị trường mã lỗi và mô tả lỗi
<i>Biệt lệ (Exception):</i> Trả về khi kết quả trạng thái trả về nhận được là 0		
Mã lỗi	Mô tả lỗi	
100	AUTHEN_ERROR - Mã xác thực không chính xác	
101	IP_DISALLOWED - Địa chỉ IP không được phép truy cập	
302	DATA_TYPE_INVALID - Loại dữ liệu danh mục không hợp lệ	

2.3. Dịch vụ tra trạng thái xử lý hồ sơ – traTrangThaiHoSo

URL kết nối tới dịch vụ traTrangThaiHoSo	
Url	https://api.don-vi.gov.vn/apiHoTichTuPhap/traTrangThaiHoSo
Request header	
Authorization	“Bearer access_token” Ví dụ: “Bearer 49d61ed6-a9e8-3755-81cd-8395ee511c87”
Content-Type	application/json
Method	POST
Request body	
body	{ "maDonVi": "", "maHoSo": "" }

- Giải thích các tham số:

STT	Tham số	Kiểu dữ liệu	Mô tả
-----	---------	--------------	-------

1	maDonVi	Long	Mã đơn vị tiếp nhận hồ sơ: - Là mã đơn vị hành chính của nơi đăng ký được ghi theo mã do Bộ tư pháp cung cấp trong dịch vụ danh mục; - Tên chính xác sẽ do Hệ thống tự động tính toán dựa theo thời điểm đăng ký.
2	maHoSo	String	Số phiếu tiếp nhận của hồ sơ trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử.

- Response body:

Trạng thái	Mô tả trạng thái	Giá trị
1	Đã tiếp nhận hồ sơ, chờ xử lý	Khuyết.
2	Hồ sơ cần bổ sung thông tin: ... (trả về chi tiết thông tin cần bổ sung)	Khuyết.
3	Hồ sơ đủ điều kiện giải quyết	Khuyết.
4	Đã hoàn thành đăng ký	Khuyết.
0	Đã có lỗi xảy ra trong quá trình gửi thông tin	Khuyết, hiển thị trường mã lỗi và mô tả lỗi.
<i>Biệt lệ (Exception):</i> Trả về khi kết quả trạng thái trả về nhận được là 0		
Mã lỗi	Mô tả lỗi	
100	AUTHEN_ERROR - Mã xác thực không chính xác.	
101	IP_DISALLOWED - Địa chỉ IP không được phép truy cập.	
106	AGENCY_ID_INCORRECT - Mã đơn vị không chính xác.	
201	RECORD_NOT_FOUND - Hồ sơ không tồn tại, đề nghị xem lại số phiếu tiếp nhận.	

2.4. Dịch vụ kết quả đăng ký hồ sơ – ketQuaDangKyHS

URL kết nối tới dịch vụ traTrangThaiHoSo	
Url	https://api.don-vi.gov.vn/apiHoTichTuPhap/ketQuaDangKyHS

Request header	
Authorization	“Bearer access_token” Ví dụ: “Bearer 49d61ed6-a9e8-3755-81cd-8395ee511c87”
Content-Type	application/json
Method	POST
Request body	
body	{ "maDonVi": "", "maHoSo": "" }

- Giải thích các tham số:

STT	Tham số	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	maDonVi	Long	Mã đơn vị tiếp nhận hồ sơ: - Là mã đơn vị hành chính của nơi đăng ký được ghi theo mã do Bộ tư pháp cung cấp; - Tên chính xác sẽ do Hệ thống tự động tính toán dựa theo thời điểm đăng ký.
2	maHoSo	String	Số phiếu tiếp nhận của hồ sơ trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử.

- Response body:

Trạng thái	Mô tả trạng thái	Giá trị
1	Giao dịch thành công	
0	Đã có lỗi xảy ra trong quá trình gửi thông tin hoặc hồ sơ chưa hoàn thành	Khuyết, hiển thị trường mã lỗi và mô tả lỗi.
Biệt lệ (Exception): Trả về khi kết quả trạng thái trả về nhận được là 0		
Mã lỗi	Mô tả lỗi	
100	AUTHEN_ERROR - Mã xác thực không chính xác.	
101	IP_DISALLOWED - Địa chỉ IP không được phép truy cập.	
106	AGENCY_ID_INCORRECT - Mã đơn vị không chính xác.	

200	RECORD_UNCOMPLETE – Hồ sơ chưa hoàn thành đăng ký.
201	RECORD_NOT_FOUND - Hồ sơ không tồn tại, đề nghị xem lại số phiếu tiếp nhận.

2.5. Dịch vụ lấy danh sách hồ sơ đã đăng ký – dsHoSoDangKy

URL kết nối tới dịch vụ dsHoSoDangKy	
Url	https://api.don-vi.gov.vn/apiHoTichTuPhap/dsHoSoDangKy
Request header	
Authorization	“Bearer access_token” Ví dụ: “Bearer 49d61ed6-a9e8-3755-81cd-8395ee511c87”
Content-Type	application/json
Method	POST
Request body	
body	{ "module": "", "ngayCapNhat": "" }

- Giải thích các tham số:

STT	Tham số	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	module	String	Mã nghiệp vụ.
2	ngayCapNhat	Date	Ngày cập nhật hồ sơ – là ngày hồ sơ được tạo mới trên Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch hoặc ngày hồ sơ được thay đổi thông tin gần nhất nếu hồ sơ đã được cập nhật, thay đổi nội dung.

- Response body

Trạng thái	Mô tả trạng thái	Giá trị
1	Giao dịch thành công	[{ "id": "...", "maDonVi": "..." }, //Hồ sơ thứ nhất {

		<pre> "id": "...", "maDonVi": "...", }, //Hồ sơ thứ hai... ...] </pre>
0	Đã có lỗi xảy ra trong quá trình gửi thông tin hoặc hồ sơ chưa hoàn thành	Khuyết, hiển thị trường mã lỗi và mô tả lỗi.
Biệt lệ (Exception): Trả về khi kết quả trạng thái trả về nhận được là 0		
Mã lỗi	Mô tả lỗi	
100	AUTHEN_ERROR - Mã xác thực không chính xác.	
101	IP_DISALLOWED - Địa chỉ IP không được phép truy cập.	
108	PROVINCE_ID_INCORRECT – Mã tỉnh không chính xác.	

2.6. Dịch vụ trả thông tin chi tiết từng hồ sơ đã lưu – traHoSo

URL kết nối tới dịch vụ traHoSo	
Url	https://api.don-vi.gov.vn/apiHoTichTuPhap/traHoSo
Request header	
Authorization	“Bearer access_token” Ví dụ: “Bearer 49d61ed6-a9e8-3755-81cd-8395ee511c87”
Content-Type	application/json
Method	POST
Request body	
body	<pre> { "module": "", "maHoSo": "" } </pre>

- Giải thích các tham số:

STT	Tham số	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	module	String	Mã nghiệp vụ.
2	maHoSo	Long	Mã hồ sơ (ID của hồ sơ trên Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch).

- Response body:

Trạng thái	Mô tả trạng thái	Giá trị
------------	------------------	---------

1	Giao dịch thành công	[{ "id": "...", "so": "...", "quyenSo": "...", "trangSo": "...", ... }, //Hồ sơ thứ nhất { "id": "...", "so": "...", "quyenSo": "...", "trangSo": "...", ... }, //Hồ sơ thứ hai... nếu lấy danh sách qua dịch vụ traDanhSachHoSo ...]
0	Đã có lỗi xảy ra trong quá trình gửi thông tin hoặc hồ sơ chưa hoàn thành	Khuyết, hiển thị trường mã lỗi và mô tả lỗi.
<i>Biệt lệ (Exception):</i> Trả về khi kết quả trạng thái trả về nhận được là 0		
Mã lỗi	Mô tả lỗi	
100	AUTHEN_ERROR - Mã xác thực không chính xác.	
101	IP_DISALLOWED - Địa chỉ IP không được phép truy cập.	
108	PROVINCE_ID_INCORRECT – Mã tỉnh không chính xác.	
200	RECORD_UNCOMPLETE – Hồ sơ chưa hoàn thành đăng ký.	
201	RECORD_NOT_FOUND - Hồ sơ không tồn tại, đề nghị xem lại số phiếu tiếp nhận.	

2.7. Dịch vụ trả thông tin chi tiết danh sách các hồ sơ – traDanhSachHoSo

URL kết nối tới dịch vụ traDanhSachHoSo	
Url	https://api.don-vi.gov.vn/apiHoTichTuPhap/traDanhSachHoSo
Request header	
Authorization	“Bearer access_token”

	Ví dụ: “ <i>Bearer 49d61ed6-a9e8-3755-81cd-8395ee511c87</i> ”
Content-Type	application/json
Method	POST
Request body	
body	{ "maTinh": "", "module": "", "dsMaHoSo": [] }

- Giải thích các tham số:

STT	Tham số	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	module	String	Mã nghiệp vụ.
2	dsMaHoSo	Long[]	Danh sách mã hồ sơ (ID của hồ sơ trên Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch).

- Response body

Trạng thái	Mô tả trạng thái	Giá trị
1	Giao dịch thành công	[{ "id": "...", "so": "...", "quyenSo": "...", "trangSo": "...", ... }, //Hồ sơ thứ nhất { "id": "...", "so": "...", "quyenSo": "...", "trangSo": "...", ... }, //Hồ sơ thứ hai... nếu lấy danh sách qua dịch vụ traDanhSachHoSo ...]

0	Đã có lỗi xảy ra trong quá trình gửi thông tin hoặc hồ sơ chưa hoàn thành	Khuyết, hiển thị trường mã lỗi và mô tả lỗi.
<i>Biệt lệ (Exception):</i> Trả về khi kết quả trạng thái trả về nhận được là 0		
Mã lỗi	Mô tả lỗi	
100	AUTHEN_ERROR - Mã xác thực không chính xác.	
101	IP_DISALLOWED - Địa chỉ IP không được phép truy cập.	
108	PROVINCE_ID_INCORRECT – Mã tỉnh không chính xác.	
201	RECORD_NOT_FOUND - Hồ sơ không tồn tại, đề nghị xem lại số phiếu tiếp nhận.	

3. Dịch vụ lý lịch tư pháp

Kiểu	Nội dung
Địa chỉ adapter	https://api.don-vi.gov.vn/apiLyLichTuPhap/
Lĩnh vực	Lý lịch tư pháp
Phiên bản	1.0

TT	Chức năng	Mô tả
1	nhânHoSoDangKy	Tiếp nhận thông tin tờ khai từ Phần mềm một cửa gửi sang Phần mềm Quản lý lý lịch tư pháp dùng chung để xử lý nghiệp vụ
2	traTrangThaiHs	Trả thông tin trạng thái của một hồ sơ cụ thể từ Phần mềm Quản lý lý lịch tư pháp dùng chung sang Phần mềm một cửa
3	traHoSo	Cung cấp thông tin tờ khai từ Phần mềm đăng ký cấp Phiếu lý lịch tư pháp hoặc Phần mềm Quản lý Lý lịch tư pháp dùng chung sang Phần mềm một cửa
4	traDanhMuc	Trả thông tin danh mục
5	danhDauHsThanhCong	Cập nhật trạng thái Phần mềm một cửa đã lấy dữ liệu thành công từ Phần mềm Quản lý lý lịch tư pháp dùng chung

6	traDsTrangThaiHs	Trả danh sách trạng thái của các hồ sơ có thay đổi trạng thái từ Phần mềm Quản lý lý lịch tư pháp dùng chung sang Phần mềm một cửa
---	-------------------------	--

- Chung cho các hàm:

Request header	
Authorization	“Bearer access_token” Ví dụ: “Bearer 49d61ed6-a9e8-3755-81cd-8395ee511c87”
Content-Type	application/json
Method	POST

3.1. Nhận hồ sơ đăng ký – nhanHoSoDangKy

Tên hàm:	nhanHoSoDangKy		
Url: https://api.don-vi.gov.vn/apiLyLichTuPhap/LLTP-API-nhanHoSoDangKy			
Tham số truyền vào			
TT	Trường tham số	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	idMinistryJustice	String	Mã đơn vị
2	idReceivedDec	String	Số phiếu tiếp nhận (là duy nhất với mỗi hồ sơ tiếp nhận)
3	dateReceivedDec	String	Ngày tiếp nhận hồ sơ (tuân thủ định dạng "dd/mm/yyyy")
4	datePromissoryDec	String	Ngày hẹn trả Tuân thủ định dạng “DD/MM/YYYY” (ngày/tháng/năm)

Tên hàm:	nhanHoSoDangKy		
Url: https://api.don-vi.gov.vn/apiLyLichTuPhap/LLTP-API-nhanHoSoDangKy			
Tham số truyền vào			
	idMoneyReceipt	String	Số biên lai thu tiền
Thông tin tờ khai			
5	declarationWSForm	JSON	Thông tin tờ khai - Tham chiếu phụ lục đính kèm
6	residenceWSForm	JSON	Thông tin quá trình cư trú - Tham chiếu phụ lục đính kèm
7	mandatorWSForm	JSON	Thông tin ủy quyền - Tham chiếu phụ lục đính kèm
Giá trị trả ra			
	Response	JSON	- STATUS: Mã trạng thái, lỗi - DESCRIPTION: Mô tả lỗi (nếu có) - ID: Mã định danh trên hệ thống LLTP (ID mã hóa)

3.2. Trả trạng thái hồ sơ – traTrangThaiHs

Tên hàm	traTrangThaiHs		
Url: https://api.don-vi.gov.vn/apiLyLichTuPhap/LLTP-API- traTrangThaiHs			
Tham số truyền vào			
TT	Trường tham số	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	idReceivedDec	String	Là số hồ sơ (số phiếu tiếp nhận) trong trường hợp infoType = 2; Là số phiếu hẹn trong trường hợp infoType = 1
2	infoType	String	Loại thông tin tra cứu: [1] nộp hồ sơ không qua 1 cửa; [2] nộp hồ sơ qua 1 cửa
3	identifyNo	String	Số CMT/Hộ chiếu. Áp dụng trong trường hợp infoType = 1 (Không nộp hồ sơ qua 1 cửa thì tra cứu dựa trên số phiếu hẹn và số CMT/Hộ chiếu)
Giá trị trả ra			
	Response	JSON	- STATUS: Mã trạng thái, lỗi - DESCRIPTION: Nguyên nhân lỗi (nếu có) - DEC_STATUS_ID: [3] STP đã tiếp nhận: hồ sơ đã được gửi từ hệ thống một cửa điện tử sang hệ thống nghiệp vụ [4] Đang xử lý: STP đang xử lý hồ sơ [5] Đã có phiếu: STP đã xử lý xong và đã có phiếu - DEC_STATUS_NAME: Tên trạng thái

Tên hàm	traTrangThaiHs		
			▪ APPROVE_DATE: Ngày phê duyệt phiếu LLTP (trong trường hợp trạng thái là đã có phiếu). Tuân thủ định dạng “DD/MM/YYYY” (ngày/tháng/năm) ▪ ISSUE_DATE: Ngày cấp phiếu. Tuân thủ định dạng “DD/MM/YYYY”

3.3. Trả hồ sơ – traHoSo

Tên hàm:	traHoSo		
Url: https://api.don-vi.gov.vn/apiLyLichTuPhap/LLTP-API-traHoSo			
Tham số truyền vào			
TT	Trường tham số	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	infoType	String	[1]: trả hồ sơ nộp trực tuyến [2]: trả hồ sơ nộp trực tiếp
Giá trị trả ra			
	Response	JSON	declarationTraHoSoForm: Thông tin nhân thân residenceWSForm: Thông tin cư trú mandatorWSForm: Thông tin ủy quyền Tham khảo Phụ lục I

3.4. Tra danh mục – traDanhMuc

Tên hàm:	traDanhMuc		
Url: https://api.don-vi.gov.vn/apiLyLichTuPhap/LLTP-API- traDanhMuc			
Tham số truyền vào			
TT	Trường tham số	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	infoType	String	[1]: Danh mục hành chính [2]: Danh mục quốc tịch [3]: Danh mục dân tộc [4]: Danh mục cơ quan [5]: Danh mục đơn vị
Giá trị trả ra			
	Response	JSON	- ID: Mã danh mục - NAME: Tên danh mục

3.5. Đánh dấu hồ sơ thành công – danhDauHsThanhCong

Tên hàm:	danhDauHsThanhCong		
Url: https://api.don-vi.gov.vn/apiLyLichTuPhap/LLTP-API-danhDauHsThanhCong			
Tham số truyền vào			
TT	Trường tham số	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	declarationId	String	Danh sách ID (mã hóa) cần đánh dấu là

Tên hàm:	danhDauHsThanhCong		
			đã lấy dữ liệu thành công. Các ID phân cách nhau bằng dấu ;
2	infoType	String	[1] Đánh dấu lấy hồ sơ nộp trực tiếp thành công [2] Đánh dấu lấy trạng thái hồ sơ thành công [3] Đánh dấu lấy hồ sơ nộp trực tuyến thành công
Giá trị trả ra			
	Response	JSON	STATUS: Mã trạng thái, lỗi DESCRIPTION: Mô tả lỗi (nếu có)

3.6. Trả danh sách trạng thái hồ sơ – traDsTrangThaiHs

Tên hàm:	traDsTrangThaiHs		
Url: https://api.don-vi.gov.vn/apiLyLichTuPhap/LLTP-API- traDsTrangThaiHs			
Tham số truyền vào			
TT	Trường tham số	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	infoType	String	[1]: Hồ sơ không qua 1 cửa [2]: Hồ sơ qua 1 cửa
Giá trị trả ra			
	Response	JSON	STATUS: Mã trạng thái, lỗi DESCRIPTION: Mô tả lỗi (nếu có) LISTCONTENT: Danh sách hồ sơ và trạng thái (Kiểu dữ liệu JSON)

Tên hàm:	traDsTrangThaiHs		
			- DECLARATION_ID: ID của hồ sơ - DEC_STATUS_ID: [3] STP đã tiếp nhận: hồ sơ đã được gửi từ hệ thống một cửa điện tử sang hệ thống nghiệp vụ [4] Đang xử lý: STP đang xử lý hồ sơ [5] Đã có phiếu: STP đã xử lý xong và đã có phiếu - DEC_STATUS_NAME: Tên trạng thái - APPROVE_DATE: Ngày phê duyệt phiếu LLTP (trong trường hợp trạng thái là đã có phiếu). Tuân thủ định dạng “DD/MM/YYYY” (ngày/tháng/năm) - APPOINTMENT_NO: Số phiếu hẹn của STP (trong trường hợp lấy danh sách trạng thái của những hồ sơ không nộp qua một cửa) - RECEIVE_NO: Số phiếu tiếp nhận của một cửa (trong trường hợp lấy danh sách trạng thái của những hồ sơ nộp qua một cửa) - ISSUE_DATE: Ngày cấp phiếu. Tuân thủ định dạng “DD/MM/YYYY” (ngày/tháng/năm)

3.7. Phụ lục: Danh sách tham số

STT	Tên trường	Mô tả
Thông tin tờ khai (declarationWSForm)		
1	fullName	Họ tên người đăng ký cấp phiếu <u>Bắt buộc</u>

STT	Tên trường	Mô tả
2	genderId	Giới tính của người đăng ký cấp phiếu [1] Nam; [0] Nữ <u>Bắt buộc</u> (Định dạng số)
3	birthDateStr	Ngày sinh của người đăng ký cấp phiếu Tuân thủ định dạng “DD/MM/YYYY” (ngày/tháng/năm) hoặc "mm/yyyy" hoặc "yyyy" <u>Bắt buộc</u> (đối với năm sinh)
4	birthPlace	Nơi sinh của người đăng ký cấp phiếu
5	nationalityId	Mã Quốc tịch của người đăng ký Danh mục Quốc tịch, tham khảo hàm lấy danh mục (Định dạng số) Bắt buộc
6	ethnicId	Mã Dân tộc của người đăng ký Danh mục Dân tộc, tham khảo hàm lấy danh mục (Định dạng số)
7	residence	Địa chỉ chi tiết nơi thường trú
8	reRegionId	Mã Địa phương của nơi thường trú Danh mục Hành chính, tham khảo hàm lấy danh mục (Định dạng số)
9	residenceTemporary	Địa chỉ chi tiết nơi tạm trú
10	rtRegionId	Mã Địa phương của nơi tạm trú

STT	Tên trường	Mô tả
		Danh mục Hành chính, tham khảo hàm lấy danh mục (Định dạng số)
11	idTypeId	ID Loại giấy tờ tùy thân [1]CMND; [0]Hộ chiếu;[2]Thẻ thường trú;[3]Thẻ căn cước công dân (Định dạng số) Bắt buộc
12	identifyNo	Số giấy tờ tùy thân Bắt buộc
13	idIssueDate	Ngày cấp giấy tờ tùy thân Tuân thủ định dạng “DD/MM/YYYY” (ngày/tháng/năm)
14	idIssuePlace	Nơi cấp giấy tờ tùy thân
15	dadName	Họ tên cha
16	dadDob	Ngày sinh của cha Tuân thủ định dạng “DD/MM/YYYY” (ngày/tháng/năm) hoặc "MM/YYYY" (tháng/năm) hoặc "YYYY" (năm)
17	momName	Họ tên mẹ
18	momDob	Ngày sinh của mẹ Tuân thủ định dạng “DD/MM/YYYY” (ngày/tháng/năm) hoặc "MM/YYYY" (tháng/năm) hoặc "YYYY" (năm)
19	partnerName	Họ tên vợ/chồng
20	partnerDob	Ngày sinh của vợ/chồng

STT	Tên trường	Mô tả
		Tuân thủ định dạng “DD/MM/YYYY” (ngày/tháng/năm) hoặc “MM/YYYY” (tháng/năm) hoặc “YYYY” (năm)
21	phone	Số điện thoại (Định dạng số) Bắt buộc
22	email	Địa chỉ email Tuân thủ định dạng, ví dụ: a@abc.def
23	ministryJusticeId	Đơn vị nhận hồ sơ (Đơn vị nhận hồ sơ được xác định từ thông tin của đơn vị người sử dụng, mapping với mã của hệ thống QLLTP) (Định dạng số)
24	declareDate	Ngày làm đơn Tuân thủ định dạng “DD/MM/YYYY” (ngày/tháng/năm) Bắt buộc
25	declareTypeId	Loại tờ khai [3846]Cá nhân; [3845]Ủy quyền; [3847]Cơ quan tổ chức; [3844]Cơ quan tiến hành tố tụng (Định dạng số) Bắt buộc
26	requestQty	Số lượng phiếu yêu cầu (Định dạng số) Bắt buộc
27	requestQtyAdd	Số lượng phiếu yêu cầu cấp thêm

STT	Tên trường	Mô tả
		(Định dạng số)
28	objectRequestId	Đối tượng yêu cầu [72]Công dân Việt Nam; [71]Nước ngoài; [74]Cơ quan tiến hành tố tụng; [73]Cơ quan tổ chức (Định dạng số) Bắt buộc
29	agencyRequestId	Cơ quan đề nghị Mã danh mục Cơ quan (Định dạng số) Tham khảo hàm lấy danh mục
30	regionRequestId	Trụ sở Cơ quan đề nghị Mã danh mục Hành chính (Định dạng số) Tham khảo hàm lấy danh mục
31	formType	Loại phiếu yêu cầu (Định dạng số) [1] Loại phiếu số 1; [2]Loại phiếu số 2 Bắt buộc
32	isBanPosition	Nội dung yêu cầu cấm đảm nhiệm chức vụ (Định dạng số) [0] Không yêu cầu; [1]Có yêu cầu
34	delivery	Đăng ký dịch vụ trả kết quả (Định dạng số) [1]Có đăng ký, [0] Không đăng ký
35	deliveryAddress	Địa chỉ trả kết quả qua bưu chính

STT	Tên trường	Mô tả
36	deliveryDistrict	Địa phương của địa chỉ trả kết quả qua bưu chính Mã danh mục hành chính (Định dạng số) Tham khảo hàm lấy danh mục
37	note	Ghi chú
38	purpose	Mục đích yêu cầu cấp phiếu
39	receiveNo	Mã số phiếu tiếp nhận do hệ thống 1 cửa gửi lên (duy nhất để tra cứu)
40	declarationPortalID	Mã số ID của hệ thống trực tuyến (mã hóa) TH công dân đăng ký trực tuyến và đến 1 cửa nộp hồ sơ thì phải gửi thông tin này.
41	otherName	Tên gọi khác
Thông tin ủy quyền (mandatorWSForm)		
1	fullName	Họ tên của người được ủy quyền Bắt buộc
2	genderId	Giới tính [0] Nữ; [1] Nam (Định dạng số)
3	birthDateStr	Ngày sinh của người được khai sinh. Tuân thủ định dạng “DD/MM/YYYY” (ngày/tháng/năm) hoặc “MM/YYYY” (tháng/năm) hoặc “YYYY” (năm)
4	birthPlaceId	ID địa phương của nơi sinh

STT	Tên trường	Mô tả
		Mã danh mục hành chính Tham khảo hàm lấy danh mục (Định dạng số)
5	residence	Địa chỉ nơi thường trú
6	regionId	ID địa phương nơi thường trú Mã danh mục hành chính Tham khảo hàm lấy danh mục (Định dạng số)
7	idTypeId	Loại giấy tờ tùy thân [1]CMND; [0]Hộ chiếu;[2]Thẻ thường trú;[3]Thẻ căn cước công dân (Định dạng số)
8	identifyNo	Số giấy tờ tùy thân
9	idIssueDate	Ngày cấp giấy tờ tùy thân Tuân thủ định dạng “DD/MM/YYYY” (ngày/tháng/năm)
10	idIssuePlace	Nơi cấp giấy tờ tùy thân
11	mandatorRelation	Quan hệ với người ủy quyền
12	mandatorDate	Ngày ký ủy quyền Tuân thủ định dạng “DD/MM/YYYY” (ngày/tháng/năm)
Thông tin cư trú (residenceWSForm)		
1	fromDateStr	Từ ngày Tuân thủ định dạng “DD/MM/YYYY” (ngày/tháng/năm) hoặc “MM/YYYY” (tháng/năm) hoặc “YYYY” (năm)

STT	Tên trường	Mô tả
		Bắt buộc
2	toDateStr	Đến ngày Tuân thủ định dạng “DD/MM/YYYY” (ngày/tháng/năm) hoặc “MM/YYYY” (tháng/năm) hoặc “YYYY” (năm) Bắt buộc
3	residencePlace	Địa chỉ chi tiết nơi thường trú/tạm trú Bắt buộc
4	jobName	Nghề nghiệp
5	workPlace	Nơi làm việc

3.8. Phụ lục: Danh sách tham số trả hồ sơ

STT	Tên trường	Mô tả
Thông tin tờ khai (DeclarationTraHoSoForm)		
1	fullName	Họ tên người đăng ký cấp phiếu
2	genderId	Giới tính của người đăng ký cấp phiếu [1] Nam; [0] (Định dạng số)
3	birthDateStr	Ngày sinh của người đăng ký cấp phiếu Tuân thủ định dạng “DD/MM/YYYY” (ngày/tháng/năm) <u>Bắt buộc</u> (đối với năm sinh)
4	birthPlace	Mã Nơi sinh, tuân thủ định dạng “Mã phường/xã, mã quận/huyện, mã tỉnh/thành phố” của hệ thống danh mục hành chính Tham khảo hàm lấy danh mục (Định dạng số)

STT	Tên trường	Mô tả
5	nationalityId	Mã Quốc tịch của người đăng ký Danh mục Quốc tịch, Tham khảo hàm lấy danh mục
6	ethnicId	Mã Dân tộc của người đăng ký Danh mục Dân tộc, Tham khảo hàm lấy danh mục (Định dạng số)
7	residence	Địa chỉ chi tiết nơi thường trú
8	reRegionId	Mã Địa phương của nơi thường trú Danh mục Hành chính, Tham khảo hàm lấy danh mục (Định dạng số)
9	residenceTemporary	Địa chỉ chi tiết nơi tạm trú
10	rtRegionId	Mã Địa phương của nơi tạm trú Danh mục Hành chính, Tham khảo hàm lấy danh mục (Định dạng số)
11	idTypeId	ID Loại giấy tờ tùy thân [1]CMND; [0]Hộ chiếu;[2]Thẻ thường trú;[3]Thẻ căn cước công dân (Định dạng số)
12	identifyNo	Số giấy tờ tùy thân
13	idIssueDate	Ngày cấp giấy tờ tùy thân Tuân thủ định dạng “DD/MM/YYYY” (ngày/tháng/năm)
14	idIssuePlace	Nơi cấp giấy tờ tùy thân

STT	Tên trường	Mô tả
15	dadName	Họ tên cha
16	dadDob	Ngày sinh của cha Tuân thủ định dạng “DD/MM/YYYY” (ngày/tháng/năm)
17	momName	Họ tên mẹ
18	momDob	Ngày sinh của mẹ Tuân thủ định dạng “DD/MM/YYYY” (ngày/tháng/năm)
19	partnerName	Họ tên vợ/chồng
20	partnerDob	Ngày sinh của vợ/chồng Tuân thủ định dạng “DD/MM/YYYY” (ngày/tháng/năm)
21	phone	Số điện thoại
22	email	Địa chỉ email
23	ministryJusticeId	Đơn vị nhận hồ sơ (Đơn vị nhận hồ sơ được xác định từ thông tin của đơn vị người sử dụng, mapping với mã của hệ thống QLLLTP) (Định dạng số)
24	declareDate	Ngày làm đơn Tuân thủ định dạng “DD/MM/YYYY” (ngày/tháng/năm)
25	declareTypeId	Loại tờ khai [3846]Cá nhân; [3845]Ủy quyền; [3847]Cơ quan tổ chức; [3844]Cơ quan tiến hành tổ tụng

STT	Tên trường	Mô tả
		(Định dạng số)
26	requestQty	Số lượng phiếu yêu cầu (Định dạng số)
27	requestQtyAdd	Số lượng phiếu yêu cầu cấp thêm (Định dạng số)
28	objectRequestId	Đối tượng yêu cầu [72]Công dân Việt Nam; [71]Nước ngoài; [74]Cơ quan tiến hành tố tụng; [73]Cơ quan tổ chức (Định dạng số)
29	agencyRequestId	Cơ quan đề nghị Mã danh mục Cơ quan (Định dạng số) Tham khảo hàm lấy danh mục
30	regionRequestId	Trụ sở Cơ quan đề nghị Mã danh mục Hành chính (Định dạng số) Tham khảo hàm lấy danh mục
31	formType	Loại phiếu yêu cầu (Định dạng số) [1] Loại phiếu số 1; [2]Loại phiếu số 2
32	isBanPosition	Nội dung yêu cầu cấm đảm nhiệm chức vụ (Định dạng số) [0] Không yêu cầu; [1]Có yêu cầu
34	delivery	Đăng ký dịch vụ trả kết quả

STT	Tên trường	Mô tả
		(Định dạng số) [1]Có đăng ký, [0] Không đăng ký
35	deliveryAddress	Địa chỉ trả kết quả qua bưu chính
36	deliveryDistrict	Địa phương của địa chỉ trả kết quả qua bưu chính Mã danh mục hành chính (Định dạng số) Tham khảo hàm lấy danh mục
37	declarationCode	Mã số trực tuyến Là mã hệ thống trực tuyến tự sinh theo cấu trúc (Định dạng số) [Số tăng dần gồm 5 chữ số] TH lấy hồ sơ trực tuyến
38	appointmentNo	Mã số phiếu hẹn do phần mềm LLTP sinh. TH lấy hồ sơ STP trực tiếp tiếp nhận.
39	giveProfileType	Đăng ký dịch vụ nộp hồ sơ tại nhà [1]Có đăng ký, [0]Không đăng ký TH lấy hồ sơ trực tuyến (Định dạng số)
40	giveProfileAddress	Địa chỉ nộp hồ sơ qua bưu chính TH lấy hồ sơ trực tuyến
41	giveProfileDistrict	Địa phương của địa chỉ nộp hồ sơ qua bưu chính Mã danh mục hành chính Tham khảo hàm lấy danh mục

STT	Tên trường	Mô tả
		TH lấy hồ sơ trực tuyến (Định dạng số)
42	declarationId	Thông tin mã ID định danh của hệ thống LLTP
43	declarationPortalID	Mã số ID của hệ thống trực tuyến (mã hóa. TH 1 của lấy hồ sơ trực tuyến và TH 1 của chỉ lấy hồ sơ STP trực tiếp tiếp nhận.
44	receiveDate	Ngày tiếp nhận hồ sơ Tuân thủ định dạng “DD/MM/YYYY” (ngày/tháng/năm) TH lấy hồ sơ STP trực tiếp tiếp nhận.
45	appointmentDate	Ngày hẹn trả kết quả Tuân thủ định dạng “DD/MM/YYYY” (ngày/tháng/năm) TH lấy hồ sơ STP trực tiếp tiếp nhận.
46	issueDate	Ngày cấp phiếu Tuân thủ định dạng “DD/MM/YYYY” (ngày/tháng/năm) TH lấy hồ sơ STP trực tiếp tiếp nhận.
47	decStatusId	Mã trạng thái hồ sơ - [3] STP đã tiếp nhận: hồ sơ đã được gửi từ hệ thống một cửa điện tử sang hệ thống nghiệp vụ - [4] Đang xử lý: STP đang xử lý hồ sơ - [5] Đã có phiếu: STP đã xử lý xong và đã có phiếu TH lấy hồ sơ STP trực tiếp tiếp nhận.

STT	Tên trường	Mô tả
48	decStatusName	Tên trạng thái TH lấy hồ sơ STP trực tiếp tiếp nhận.
Thông tin ủy quyền (mandatorWSForm)		
1	fullName	Họ tên của người được ủy quyền
2	genderId	Giới tính [0] Nữ; [1] Nam (Định dạng số)
3	birthDateStr	Ngày sinh của người được khai sinh. Tuân thủ định dạng “DD/MM/YYYY” (ngày/tháng/năm)
4	birthPlaceId	ID địa phương của nơi sinh Mã danh mục hành chính Tham khảo hàm lấy danh mục (Định dạng số)
5	residence	Địa chỉ nơi thường trú
6	regionId	ID địa phương nơi thường trú Mã danh mục hành chính Tham khảo hàm lấy danh mục (Định dạng số)
7	idTypeId	Loại giấy tờ tùy thân [1]CMND; [0]Hộ chiếu;[2]Thẻ thường trú;[3]Thẻ căn cước công dân (Định dạng số)
8	identifyNo	Số giấy tờ tùy thân
9	idIssueDate	Ngày cấp giấy tờ tùy thân

STT	Tên trường	Mô tả
10	idIssuePlace	Nơi cấp giấy tờ tùy thân
11	mandatorRelation	Quan hệ với người ủy quyền
12	mandatorDate	Ngày ký ủy quyền
Thông tin cư trú (residenceWSForm)		
1	fromDateStr	Từ ngày Tuân thủ định dạng “DD/MM/YYYY” (ngày/tháng/năm)
2	toDateStr	Đến ngày Tuân thủ định dạng “DD/MM/YYYY” (ngày/tháng/năm)
3	residencePlace	Mã Nơi thường trú/Tạm trú Mã danh mục hành chính Tham khảo hàm lấy danh mục
4	jobName	Nghề nghiệp
5	workPlace	Nơi làm việc

4. Dịch vụ bảo hiểm xã hội

4.1. API tra cứu thông tin hộ gia đình từ mã số bảo hiểm xã hội – getTraCuuTtHgdByMaSoBhxx

URL kết nối tới dịch vụ getTraCuuTtHgdByMaSoBhxx	
Url	https://api.don-vi.gov.vn/apiBHXH/getTraCuuTtHgdByMaSoBhxx
Request header	
Authorization	“Bearer access_token” Ví dụ: “Bearer 49d61ed6-a9e8-3755-81cd-8395ee511c87”
Content-Type	application/json
Method	POST
Request body	

body	{ maSoBhxx: Mã số BHXH cần tra cứu thông tin hộ gia đình }
------	--

- Response body:

Tên trường	Kiểu	Mô tả
hoTen	string	Họ tên
soSoCu	string	Số sổ BHXH cũ
ngaySinh	string	Ngày tháng năm sinh theo thứ tự Năm – tháng – ngày viết liền. vd: 19890812
loaiNgaySinh	string	Nhận 3 giá trị: 0: đầy đủ ngày, tháng, năm sinh 1: chỉ có năm sinh 2: chỉ có năm, tháng sinh
gioiTinh	string	Nhận 3 giá trị: 1: Nam 2: Nữ 3: Khác
maTinhKs	string	Mã tỉnh theo quy định của tổng cục thống kê
maHuyenKs	string	Mã huyện theo quy định của tổng cục thống kê
maXaKs	string	Mã xã theo quy định của tổng cục thống kê
trangThai	string	Trạng thái

4.2. API lấy mã số bảo hiểm theo tiêu chí - getMaSoBhxxTheoTieuChi

URL kết nối tới dịch vụ getMaSoBhxxTheoTieuChi	
Url	https://api.don-vi.gov.vn/apiBHXH/getMaSoBhxxTheoTieuChi
Request header	
Authorization	“Bearer access_token” Ví dụ: “Bearer 49d61ed6-a9e8-3755-81cd-8395ee511c87”
Content-Type	application/json
Method	POST
Request body	
body	{ "hoTen": "", "ngaySinh": "", "loaiNgaySinh": "",

	<pre> "gioiTinh": "", "maTinhKs": "", "maHuyenKs": "", "maXaKs": "", "isKs": "" } </pre>
--	--

- Giải thích tham số:

Tên trường	Kiểu	Mô tả
hoTen	string	Họ tên
ngaySinh	string	Ngày tháng năm sinh theo thứ tự Năm – tháng – ngày viết liền. vd: 19890812
loaiNgaySinh	string	Nhận 3 giá trị: 0: đầy đủ ngày, tháng, năm sinh 1: chỉ có năm sinh 2: chỉ có năm, tháng sinh
gioiTinh	string	Nhận 3 giá trị: 1: Nam 2: Nữ 3: Khác
maTinhKs	string	Mã tỉnh theo quy định của tổng cục thống kê
maHuyenKs	string	Mã huyện theo quy định của tổng cục thống kê
maXaKs	string	Mã xã theo quy định của tổng cục thống kê
isKs	string	Nhận 2 giá trị: 1: tra cứu theo địa chỉ khai sinh 0: tra cứu theo địa chỉ hộ khẩu

- Response body:

Tên trường	Kiểu	Mô tả
maSoBhxx	string	Mã số BHXH
trangThai	string	Trạng thái
errorCode	string	Mã lỗi

4.3. API tra cứu thông tin hộ gia đình - getTraCuuThongTinHgd

URL kết nối tới dịch vụ getTraCuuThongTinHgd	
Url	https://api.don-vi.gov.vn/apiBHXH/getTraCuuThongTinHgd
Request header	
Authorization	“Bearer access_token”

	Ví dụ: "Bearer 49d61ed6-a9e8-3755-81cd-8395ee511c87"
Content-Type	application/json
Method	POST
Request body	
body	{ "maTinh": "", "hoTen": "", "ngaySinh": "", "loaiNgaySinh": "", "gioiTinh": "", "soSo": "", "maThe": "", "isKs": "" }

- Giải thích tham số

Tên trường	Kiểu	Mô tả
maTinh	string	Mã tỉnh theo quy định của tổng cục thống kê
hoTen	string	Họ tên
ngaySinh	string	Ngày tháng năm sinh theo thứ tự Năm – tháng – ngày viết liền. vd: 19890812
loaiNgaySinh	string	Nhận 3 giá trị: 0: đầy đủ ngày, tháng, năm sinh 1: chỉ có năm sinh 2: chỉ có năm, tháng sinh
gioiTinh	string	Nhận 3 giá trị: 1: Nam 2: Nữ 3: Khác
soSo	string	Số sổ BHXH
maThe	string	Mã thẻ BHXH
isKs	string	Nhận 2 giá trị: 1: tra cứu theo địa chỉ khai sinh 0: tra cứu theo địa chỉ hộ khẩu

- Response body:

Tên trường	Kiểu	Mô tả
maSo	string	Mã số

hoTen	string	Họ tên
ngaySinh	string	Ngày tháng năm sinh theo thứ tự Năm – tháng – ngày viết liền. vd: 19890812
loaiNgaySinh	string	Nhận 3 giá trị: 0: đầy đủ ngày, tháng, năm sinh 1: chỉ có năm sinh 2: chỉ có năm, tháng sinh
gioiTinh	string	Nhận 3 giá trị: 1: Nam 2: Nữ 3: Khác
maHo	string	Mã hộ gia đình
diaChi	string	Địa chỉ
trangThai	string	Trạng thái

5. Dịch vụ đăng ký doanh nghiệp

5.1. API cung cấp thông tin chi tiết mới nhất của 01 doanh nghiệp

URL kết nối tới dịch vụ chiTietDoanhNghiep	
Url	https://api.don-vi.gov.vn/apiCSDLDKDN/chiTietDoanhNghiep?msdn={msdn}
Request header	
Authorization	“Bearer access_token” Ví dụ: “Bearer 49d61ed6-a9e8-3755-81cd-8395ee511c87”
Content-Type	application/json
Method	GET
Query string	
msdn	Mã số doanh nghiệp

- Response body:

Trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Độ dài tối đa (ký tự)
MainInformation	Thông tin cơ bản		
ENTERPRISE_ID	ID của doanh nghiệp	number	10,0
ENTERPRISE_GDT_CODE	Mã số doanh nghiệp (Mã số ĐKKD và MST đã gộp làm một)	string	100

Trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Độ dài tối đa (ký tự)
IMP_BUSINESS_CODE	Số Giấy chứng nhận ĐKKD cũ	string	100
ENTERPRISE_TYPE_ID	Loại hình doanh nghiệp	string	10
ENTERPRISE_TYPE_NAME	Tên loại hình doanh nghiệp	string	100
NAME	Tên tiếng Việt	string	1000
SHORT_NAME	Tên viết tắt	string	1000
NAME_F	Tên bằng tiếng nước ngoài	string	1000
FOUNDING_DATE	Ngày thành lập (dd/MM/yyyy)	date	
LAST_AMEND_DATE	Ngày đăng ký thay đổi gần nhất (dd/MM/yyyy)	date	
NUMBER_CHANGES	Số lần đăng ký thay đổi	number	10,0
ENTERPRISE_STATUS	Tình trạng hoạt động của doanh nghiệp	string	10
LEGAL_NAMES	Tên của người đại diện pháp luật (trường hợp nhiều đại diện thì ghép xâu, cách nhau bởi dấu chấm phẩy)	string	1000
CAPITAL_AMOUNT	Vốn điều lệ	number	21,3
HOAddress	Địa chỉ trụ sở chính		
CityID	Mã tỉnh/thành phố	number	10,0
CityName	Tên tỉnh/thành phố	string	200
DistrictID	Mã quận/huyện	number	10,0
DistrictName	Tên quận/huyện	string	200
WardID	Mã phường/xã	number	10,0
WardName	Tên phường/xã	string	200
StreetNumber	Địa chỉ số nhà, thôn ấp...	string	200
AddressFullText	Địa chỉ đầy đủ	string	1000
BusinessActivity	Ngành nghề kinh doanh		
CODE	Mã ngành	string	100
NAME	Tên ngành	string	1000

Trường thông tin	Mô tả	Kiểu dữ liệu	Độ dài tối đa (ký tự)
IS_MAIN	Có phải ngành chính (Y/N)	string	2
Member	Khởi danh sách thành viên góp vốn		
MEMBER_NAME	Tên thành viên	string	1000
AMOUNT	Vốn góp (VNĐ)	number	21,3
RATIO_PERCENT	Tỷ lệ phần trăm vốn góp	number	5,2
COUNTRY	Quốc gia	string	100
DataCount	Số bản ghi	number	
Status	Trạng thái thông điệp(1: thành công, 0: thất bại)	string	
Message	Nội dung thông điệp (success hoặc mô tả lỗi)	string	

5.2. API cung cấp danh sách các hồ sơ xử lý trong ngày

URL kết nối tới dịch vụ danhSachHoSoTrongNgay	
Url	https://api.don-vi.gov.vn/apiCSDLDKDN/danhSachHoSoTrongNgay?from_ts={from_ts}&to_ts={to_ts}&offset={offset}&limit={limit}
Request header	
Authorization	“Bearer access_token” Ví dụ: “Bearer 49d61ed6-a9e8-3755-81cd-8395ee511c87”
Content-Type	application/json
Method	GET
Query string	
from_ts	Từ thời gian, định dạng (HH:mm), lưu ý HH định dạng 24 giờ
to_ts	Đến thời gian, định dạng (HH:mm), lưu ý HH định dạng 24 giờ
limit	Số bản ghi tối đa lấy về trong 1 phiên gọi dịch vụ
offset	Số dịch chuyển bản ghi đầu tiên

- Response body:

Tên trường	Kiểu	Mô tả
MainInformation		Thông tin cơ bản
IN_JOURNAL_NO	number	Mã số biên nhận của hồ sơ
DOCUMENT_TYPE	string	Loại hình đăng ký

ENTERPRISE_GDT_CODE	string	Mã số doanh nghiệp
NAME	string	Tên doanh nghiệp
SITE_ID	number	Mã cơ quan cấp đăng ký
PROCESS_STATUS	string	Tình trạng xử lý hồ sơ
PROCESSED_DATE	date	Ngày thay đổi tình trạng hồ sơ
DataCount	number	Số bản ghi
Status	string	Trạng thái thông điệp(1: thành công, 0: thất bại)
Message	string	Nội dung thông điệp (success hoặc mô tả lỗi)

5.3. API cung cấp danh sách các hồ sơ tiếp nhận trong khoảng thời gian

URL kết nối tới dịch vụ danhSachHoSo	
Url	https://api.don-vi.gov.vn/apiCSDLKDN/danhSachHoSo?from_date={from_date}&to_date={to_date}&offset={offset}&limit={limit}
Request header	
Authorization	“Bearer access_token” Ví dụ: “Bearer 49d61ed6-a9e8-3755-81cd-8395ee511c87”
Content-Type	application/json
Method	GET
Query string	
from_date	Ngày bắt đầu, định dạng (dd/MM/yyyy), lưu ý ngày tháng phải đủ 2 chữ số, năm đủ 4 chữ số
to_date	Ngày kết thúc, định dạng (dd/MM/yyyy), lưu ý ngày tháng phải đủ 2 chữ số, năm đủ 4 chữ số
limit	Số bản ghi tối đa lấy về trong 1 phiên gọi dịch vụ
offset	Số dịch chuyển bản ghi đầu tiên

- **Ràng buộc: khoảng thời gian giữa from_date và to_date tối đa 05 ngày.**
- Response body:

Tên trường	Kiểu	Mô tả
MainInformation		Thông tin cơ bản
IN_JOURNAL_NO	number	Mã số biên nhận của hồ sơ

DOCUMENT_TYPE	string	Loại hồ sơ đăng ký (đăng ký mới, đăng ký thay đổi, tạm ngừng, giải thể, hoạt động trở lại)
ENTERPRISE_CODE	string	Mã số nội bộ
ENTERPRISE_GDT_CODE	string	Mã số doanh nghiệp
NAME	string	Tên doanh nghiệp
SITE_ID	number	Mã cơ quan cấp đăng ký
RECEIPT_DATE	date	Ngày tiếp nhận
PLAN_DATE	date	Ngày hẹn trả kết quả
PROCESS_STATUS	string	Tình trạng xử lý hồ sơ
DataCount	number	Số bản ghi
Status	string	Trạng thái thông điệp(1: thành công, 0: thất bại)
Message	string	Nội dung thông điệp (success hoặc mô tả lỗi)

5.4. API cung cấp thông tin chi tiết tiếp nhận của 01 hồ sơ đăng ký doanh nghiệp

URL kết nối tới dịch vụ tinhTrangHoSo	
Url	https://api.don-vi.gov.vn/apiCSDLKDKN/tinhTrangHoSo?in_journal_no={in_journal_no}
Request header	
Authorization	“Bearer access_token” Ví dụ: “Bearer 49d61ed6-a9e8-3755-81cd-8395ee511c87”
Content-Type	application/json
Method	GET
Query string	
in_journal_no	Mã hồ sơ

- Response body:

Tên trường	Kiểu	Mô tả
MainInformation		Thông tin cơ bản
IN_JOURNAL_NO	number	Mã số biên nhận của hồ sơ

DOCUMENT_TYPE	string	Loại hồ sơ đăng ký (đăng ký mới, đăng ký thay đổi, tạm ngừng, giải thể, hoạt động trở lại)
ENTERPRISE_CODE	string	Mã số nội bộ
ENTERPRISE_GDT_CODE	string	Mã số doanh nghiệp
NAME	string	Tên doanh nghiệp
ENTERPRISE_TYPE_ID	string	Loại hình doanh nghiệp
SITE_ID	number	Mã cơ quan cấp đăng ký
RECEIPT_DATE	date	Ngày tiếp nhận
PLAN_DATE	date	Ngày hẹn trả kết quả
PROCESS_STATUS	string	Tình trạng xử lý hồ sơ
REGISTRATION_DATE	date	Ngày chấp thuận hồ sơ
SUPPLEMENT_DATE	date	Ngày phòng ĐKKD tiếp nhận hồ sơ bổ sung
SUBMISSION_TYPE	string	Kiểu tiếp nhận hồ sơ
CONTACT_FULL_NAME	string	Họ tên người nộp hồ sơ
CONTACT_ADDRESS	string	Địa chỉ người nộp
CONTACT_ID_NO	string	Số CMND/CCCD của người nộp
CONTACT_PHONE	string	Điện thoại người nộp
CONTACT_EMAIL	string	Email người nộp
DataCount	number	Số bản ghi
Status	string	Trạng thái thông điệp(1: thành công, 0: thất bại)
Message	string	Nội dung thông điệp (success hoặc mô tả lỗi)